

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 73/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2018, giữa:

+ *Nguyên đơn*: Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Xóm C, xã M, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

+ *Bị đơn*: Anh **Bùi Văn A**, sinh năm 1982.

Nơi ĐKKHTT: Xóm C, xã M, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

Chỗ ở hiện tại: Xóm D, xã T, huyện T, tỉnh Hòa Bình

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Ngân hàng N (Agk)

Địa chỉ trụ sở chính: Số x L H, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Minh T** – Giám đốc Phòng Giao dịch M – Chi nhánh N huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. *(Theo văn bản ủy quyền số 5xx/QĐ-HĐTV-PC, ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Agk và văn bản số 2xx/NHN₀TL-UQ, ngày 06/8/2018 của Giám đốc Agk Chi nhánh Tân Lạc).*

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, khoản 1 Điều 59, khoản 1 Điều 60, Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn A.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn A thuận tình ly hôn

nhau.

2.2. *Về con chung*: Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn A có 01 con chung là Bùi Anh T, sinh ngày 04/5/2014. Khi ly hôn, chị Bùi Thị H nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là Bùi Anh T và chưa có yêu cầu anh Bùi Văn A đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Bùi Văn A có quyền thăm nom con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

2.3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự tự thỏa thuận và đề nghị Tòa án công nhận như sau:

Về tài sản chung: Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn A có tài sản chung là 01 căn nhà cấp bán kiên cố, mái lợp tôn, có diện tích sử dụng là 35m² và các công trình phụ tại xóm C, xã M, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

Về nợ chung: Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn A xác nhận có nợ Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Tân Lạc – Phòng Giao dịch M số tiền 50.000.000 (*Năm mươi triệu*) đồng theo Hợp đồng tín dụng số 3007LAV20804xxx ngày 09/5/2018, hạn trả cuối cùng vào ngày 09/5/2019.

Khi ly hôn, chị Bùi Thị H được sở hữu, sử dụng ngôi nhà chung và nhận nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ 50.000.000 (*Năm mươi triệu*) đồng cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Tân Lạc – Phòng Giao dịch M khi đến hạn ngày 09/5/2019.

2.4. *Về án phí*: Chị Bùi Thị H nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0004725 ngày 18/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc; chị Bùi Thị H còn được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- Viện KSND tỉnh Hòa Bình;
- Viện KSND huyện Tân Lạc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tân Lạc;
- UBND xã T– Tân Lạc – Hòa Bình;
- (*Nơi đăng ký kết hôn ngày 12/3/2012*);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(*Đã ký*)

Phạm Cao Sơn